hậu quả lụt, bão: bao che cho người vi phạm pháp luật về phòng, chống lụt, bão hoặc vi phạm những quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra sẽ bị xử lý kỷ luật, phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 22. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống lụt, bão mà gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Quy chế này, còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 23. Quy chế này áp dụng về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão và các thiên tai khác (nếu có) cho ngành Hàng không.

Điều 24. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão trong ngành Hàng không trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc cần kịp thời báo cáo về Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão Bộ Giao thông vận tải để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Thứ trưởng

Ngô Thịnh Đức

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 61/2004/QĐ-BNV ngày 07/9/2004 về việc phê duyệt Điều lệ của Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Cựu giáo chức Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức Việt Nam đã được Đại hội thành lập lần thứ I ngày 03 tháng 7 năm 2004 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Cựu giáo chức Việt Nam

(kèm theo Quyết định số 61/2004/QĐ-BNV do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ngày 07 tháng 9 năm 2004 về việc phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức Việt Nam).

Chương I

TÊN GỌI CỦA HỘI TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH, LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 1. Tên gọi của Hội:

Tên gọi của Hội là: Hội Cựu giáo chức Việt Nam

(Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VETERAN TEACHER ASSOCIATION OF VIETNAM, viết tắt là VTAV).

Địa chỉ: Số 2 Trịnh Hoài Đức, Hà Nội.

Điện thoại: 6405200 (Ô. Kính) Fax:

Điều 2. Tôn chỉ mục đích của Hội.

Hội Cựu giáo chức Việt Nam là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tất cả những người trước đây đã là nhà giáo, cán bộ, công nhân, nhân viên trong tất cả các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục - đào tạo, Hội Cựu giáo chức Việt Nam được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, năng lực trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp của Nhà giáo, tiếp tục góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội.

Hội Cựu giáo chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên phạm vi cả nước.

Hội Cựu giáo chức Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sự bảo trợ của Công đoàn giáo dục Việt Nam.

Hội hoạt động theo Điều lệ phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội có cơ quan ngôn luận được thành lập theo quy định của pháp luật.

Hội là một tổ chức phi chính phủ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản tại Ngân hàng, Kho bạc. Có biểu tượng riêng.

Trụ sở của Hội Cựu giáo chức Việt Nam đặt tại Thủ đô Hà Nội. Khi có nhu cầu Hội sẽ mở Văn phòng đại diện tại các địa phương theo quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội.

1. Tập hợp, đoàn kết và đại diện cho tất cả cựu giáo chức cả nước, phát huy tiềm năng trí tuệ của hội viên tham gia các hoạt động giáo dục - đào tạo.

2. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên, tạo điều kiện để các cựu giáo chức tiếp tục giao lưu tình cảm nghề nghiệp, chăm sóc giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất, tương trợ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống; giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của giáo giới Việt Nam, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Điều 5. Quyền hạn của Hội.

1. Tham gia đề xuất, kiến nghị với cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp, các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục - đào tạo về việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục - đào tạo.

2. Phối hợp với các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục - đào tạo, các ban, ngành, đoàn thể nhân dân chăm lo giáo dục thế hệ trẻ và góp phần thực hiện: "Giáo dục cho mọi người", "Cả nước trở thành một xã hội học tập", thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục.

3. Tham gia và phát triển quan hệ quốc tế với các tổ chức cùng nghề nghiệp, vì mục tiêu giáo dục, bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội.

4. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

5. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

6. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên.

7. Thực hiện các dịch vụ phục vụ hội viên và phát triển Hội theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Điều kiện trở thành Hội viên.

Tất cả những người trước đã là nhà giáo, cán bộ, công nhân, nhân viên trong các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục - đào tạo tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện viết đơn gia nhập Hội, đều có thể trở thành hội viên của Hội.

Điều 7. Thủ tục kết nạp hội viên tập thể và từng người.

Hội viên tập thể và hội viên cá nhân vào Hội phải có đơn tự nguyện tham gia Hội. Ban Chấp hành Hội cơ sở xem xét quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên. Hội viên tập thể phải có văn bản ủy quyền người đại diện theo quy định của pháp luật. Khi hội viên muốn ra khỏi Hội phải tự mình

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

viết đơn, được Ban Chấp hành Hội cơ sở đồng ý và thu lại thẻ hội viên.

Điều 8. Quyền của hội viên.

1. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng khi thảo luận các công việc của Hội; ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội; phê bình, chất vấn cơ quan lãnh đạo hoặc cán bộ lãnh đạo của Hội; kiến nghị bãi miễn cán bộ Hội có sai phạm.

2. Yêu cầu Hội can thiệp bảo vệ nhân phẩm và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. Được Hội thăm hỏi, giúp đỡ khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

3. Tham gia các sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, nghỉ ngơi do Hội tổ chức.

4. Được ra khỏi Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên.

1. Chấp hành Điều lệ Hội. Thực hiện nghị quyết của Hội. Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia sinh hoạt và hoạt động của Hội, thực hiện tốt nhiệm vụ được Hội phân công.

3. Đóng hội phí; tuyên truyền phát triển hội viên mới; xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

Điều 10. Hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Các trường học, trung tâm giáo dục - đào tạo liên kết giữa Việt Nam và nước ngoài hoặc có trăm phần trăm (100%) vốn đầu tư nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết.

2. Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên của Hội, có thể được Hội công nhận là hội viên danh dự của Hội.

3. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được tham gia các hoạt động và tham dự Đại hội của Hội, nhưng không tham gia bầu cử và ứng cử Ban Chấp hành Hội, không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 11. Thẻ hội viên.

Thẻ hội viên do Hội Cựu giáo chức Việt Nam ấn hành và quy định việc cấp phát, quản lý thẻ hội viên.

Chương IV

BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12. Bộ máy quản lý và điều hành của Hội:

- Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu hội viên.

- Ban Chấp hành, Thường vụ Ban Chấp hành.

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.

- Ban Kiểm tra.

- Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký Hội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Các đơn vị trực thuộc Hội, Văn phòng Hội, Ban Chuyên môn, cơ quan ngôn luận (báo, tạp chí), Trung tâm dịch vụ thông tin....

Điều 13. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu:

1. Đại hội là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Hội. Đại hội được tổ chức 5 năm 1 lần.

Đại hội được coi là hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

2. Nhiệm vụ chính của Đại hội nhiệm kỳ:

- Thông qua Điều lệ (đối với Đại hội thành lập), hoặc đề nghị sửa đổi Điều lệ.

- Thảo luận Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Hội.

- Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

- Thảo luận và phê duyệt quyết toán nhiệm kỳ cũ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội.

- Bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

- Suy tôn Chủ tịch danh dự của Hội.

- Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội.

3. Nhiệm vụ chính của Hội nghị toàn thể hàng năm:

- Thảo luận báo cáo tổng kết năm cũ và kế hoạch công tác năm mới của Hội.

- Thảo luận và phê duyệt quyết toán năm cũ và kế hoạch tài chính năm mới của Hội.

- Thảo luận và biểu quyết các vấn đề do Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hoặc hội viên đề xuất.

4. Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội, theo đề nghị của Chủ tịch Ban Chấp hành Hội hoặc trên 50% tổng số Ủy viên Ban Chấp hành, hoặc khi có 2/3 số hội viên yêu cầu, hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Thư triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu phải nêu rõ chương trình nghị sự và gửi đến tất cả hội viên ít nhất 2 tuần trước ngày họp.

6. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội.

- Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

- Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá một phần hai (1/2) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành.

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa 2 kỳ Đại hội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký.

3. Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành.

4. Ban Chấp hành họp ít nhất một lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch Ban Chấp hành. Các phiên họp Ban Chấp hành được coi là hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành.

5. Các quyết định và nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp tán thành. Nếu số phiếu thuận và không thuận là ngang nhau, bên nào có ý kiến của Chủ tịch Ban Chấp hành sẽ được chấp thuận.

6. Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết của Đại hội.

- Quyết định kế hoạch chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành.

- Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội do Tổng thư ký đệ trình để trình ra Hội nghị toàn thể hoặc Đại hội toàn thể.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm.

- Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội.

- Phê duyệt các tổ chức được thành lập theo Điều lệ này.

- Bầu cử và bãi miễn bằng phiếu kín các chức danh lãnh đạo Hội: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội, Trưởng Ban Kiểm tra.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các cơ quan do Hội thành lập.

- Quyết định kết nạp, bãi miễn tư cách các hội viên.

- Quyết định triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu.

Điều 15. Ban Thường vụ:

1. Ban Thường vụ Hội Cựu giáo chức Việt Nam gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký và một số Ủy viên.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm thay mặt Ban Chấp hành chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; báo cáo hoạt động của Ban Thường vụ tại hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ Trung ương Hội cử

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ra Ban Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, một số Ủy viên Thường vụ để điều hành công việc giữa các kỳ họp của Ban Thường vụ.

4. Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Hội Cựu giáo chức Việt Nam ít nhất 6 tháng họp một lần.

Điều 16. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

1. Chủ tịch Ban Chấp hành đồng thời là Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành đồng thời là Phó Chủ tịch Hội. Để đảm bảo hoạt động của Hội có hiệu quả, những chức danh nêu trên làm việc theo chế độ chuyên trách. Trường hợp đặc biệt có thể làm việc bán chuyên trách khi có Nghị quyết của Đại hội cho phép.

2. Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm:

- Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật.

- Chịu trách nhiệm quản lý tài chính và tài sản của Hội.

- Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị toàn thể và các nghị quyết của Ban Chấp hành.

- Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội.

- Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự trực thuộc Hội khi có nghị quyết của Ban Chấp hành.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

- Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc của Hội theo đề nghị của Tổng thư ký sau khi có Nghị quyết hoặc Quyết định của Ban Chấp hành.

3. Phó Chủ tịch Hội:

Là người giúp cho Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành Hội; được Chủ tịch ủy nhiệm và phân công trực tiếp phụ trách và điều hành một số công việc của Hội; được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Tổng thư ký Hội:

Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu ra, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày.

- Tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội.

- Chuẩn bị báo cáo cho các kỳ họp Ban chấp hành, Thường vụ Ban Chấp hành, Đại hội thường niên, Đại hội nhiệm kỳ.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội.

- Xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội.

- Lập các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Để giúp Tổng thư ký thực hiện một số công việc nêu trên, có Phó Tổng thư ký. Phó Tổng thư ký do Chủ tịch Ban Chấp hành chỉ định.

Điều 18. Văn phòng Hội.

1. Văn phòng Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

2. Tổ chức bộ máy của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành phê duyệt.

3. Các nhân viên của văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, qua tuyển dụng, làm việc theo hợp đồng.

4. Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do Tổng Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành duyệt và Hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 19. Ban Kiểm tra.

1. Ban Kiểm tra có 01 Trưởng ban phụ trách do Đại hội bầu, gồm từ 3 đến 5 thành viên. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

2. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu hội viên thông qua.

3. Các hoạt động của Ban Kiểm tra phục vụ Hội được chi vào quỹ của Hội.

4. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội và của tất cả hội viên trong việc chấp hành Điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các nghị quyết của Hội.

- Thông báo với hội viên về kết quả kiểm tra và kiến nghị với Ban Chấp hành những vấn đề cần được giải quyết.

- Trưởng Ban Kiểm tra và các Ủy viên Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

Điều 20. Tổ chức của Hội.

Hội Cựu giáo chức được tổ chức ở Trung ương và địa phương.

1. Trung ương là Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

2. Địa phương là Hội Cựu giáo chức địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Hội Cựu giáo chức cơ sở xã, phường, thị trấn gồm các hội viên cùng cư trú trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Việc thành lập Hội Cựu giáo chức, xã, phường, thị trấn phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Ở các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục - đào tạo gồm các hội viên trước đã làm việc tại các đơn vị đóng trên cùng một địa bàn sẽ thành lập các chi hội không có pháp nhân.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính và tài sản của Hội.

1. Các khoản thu của Hội gồm có:

- Hội phí thường niên do hội viên đóng góp theo quy định;

- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân,

- Các khoản thu do hoạt động của Hội tạo ra.

- Các nguồn thu khác.

2. Các khoản chi của Hội.

Các khoản chi của Hội phải đảm bảo nguyên tắc: đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định tài chính; gồm có:

- Chi cho hoạt động của Văn phòng, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Hội nghị, Đại hội, tiền thuê trụ sở, mua sắm trang thiết bị.

- Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản.

- Chi xây dựng, trang bị sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị làm việc.

- Chi lương, chi khen thưởng thi đua.

- Chi hoạt động quan hệ quốc tế.

- Các khoản chi khác.

3. Ban Chấp hành căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí thường niên và thông qua hội nghị toàn thể.

4. Ban Chấp hành quy định quy chế về quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội, phù hợp với quy chế tài chính chung của Nhà nước và phải được báo cáo công khai trước hội viên tại Hội nghị toàn thể hàng năm.

5. Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm tại Đại hội thường kỳ.

Chương VI

GIẢI THỂ HỘI

Điều 22. Hội chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Hội tự nguyện giải thể theo nghị quyết của trên 50% tổng số hội viên.

2. Hội bị giải thể khi 12 tháng không hoạt động liên tục.

3. Khi giải thể, cơ quan nhà nước ra quyết định giải thể Hội chỉ định một Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh lý cho toàn thể hội viên và cơ quan chức năng Nhà nước có liên quan.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng.

Những thành viên có thành tích đóng góp cho sự phát triển Hội, sẽ được khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật.

Các hội viên hoạt động trái với Điều lệ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Hội, làm tổn hại đến danh dự, quyền lợi của Hội phải chịu kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu Hội nhất trí kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành.

Điều lệ này gồm có 8 chương 26 điều, đã được Đại hội thành lập thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2004 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và được phép lưu hành theo quy định của pháp luật./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 63/2004/QĐ-BNV ngày 10/9/2004 về việc phê duyệt bản Điều lệ của Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ và Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Nghị định số 177/1999/NĐ-CP ngày 22/12/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Xét đề nghị của Chủ tịch Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam và ý kiến của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam.

Điều 2. Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và hoạt động theo Điều lệ Quỹ được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chủ tịch Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng bảo trợ và quản lý Quỹ Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam, và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn